TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

HỘI ĐỒNG TSSĐH NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

KHÓA 18-ĐỢT 1-NĂM 2023

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
1	S23-036	Lê Tuấn	Anh	Nam	30/4/2000	Bình Thuận	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Khá	7.64	**ATTT**		Aptis ESOL B2 14/4/2023		
2	S23-038	Tô Thị Mỹ	Âu	Nữ	02/12/2000	Phú Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Khá	7.76	**ATTT**	**CTĐT đã KĐ AUN**			
3	S23-043	Nguyễn Công	Danh	Nam	07/12/1998	Quảng Ngãi	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	MMT&TT	CQ	Giỏi	8.03	**ATTT**			miễn	
4	S23-051	Ngô Thái	Hưng	Nam	22/10/2000	Phú Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	MMT&TT	CQ	Khá	7.78	**ATTT**			miễn	
5	S23-053	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	18/10/2001	Nam Định	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	MMT&TT	CQ	Giỏi	8.57	**ATTT**			miễn	
6	S23-054	Nguyễn Xuân	Khang	Nam	10/4/2000	Khánh Hòa	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Giỏi	8.28	**ATTT**				
7	S23-058	Đinh Phạm Thiên	Long	Nam	24/02/2000	Đồng Nai	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Giỏi	8.16	**ATTT**			miễn	
8	S23-062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	30/10/1997	Phú Yên	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông TPHCM	2020	ATTT	CQ	Giỏi	3.31/4.0	**ATTT**				

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
9	S23-077	Huỳnh Minh	Trí	Nam	31/7/2000	Bình Định	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Giỏi	8.58	**ATTT**	**SV tài năng**			
10	S23-079	Bùi Chí	Trung	Nam	27/11/2000	Long An	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Khá	7.95	**ATTT**		TOEIC Nghe, đọc 855 04/5/2022 Nói, viết		
11	S23-083	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	31/7/2000	DakLak	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	MMT&TT	CQ	Giỏi	8.73	**ATTT**	**Giấy khen thủ khoa ngành**		miễn	
12	S23-040	Phạm Thanh	Bình	Nam	03/10/2000	TPHCM	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	MMT&TT	CQ	Khá	7.7	**CNTT**		TOEIC Nghe, đọc 840 29/8/2022 Nói, viết		
13	S23-044	Phạm Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	27/7/1999	TPHCM	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTPM	CQ	Khá	7.27	**CNTT**		TOEIC Nghe, đọc 790 15/01/2022 Nói, viết 280 12/6/2022	miễn	
14	S23-047	Nguyễn Xuân	Hạnh	Nam	16/3/2000	Phú Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	MMT&TT	CQ	Khá	7.19	**CNTT**			miễn	
15	S23-049	Nguyễn Đức	Hoan	Nam	18/8/1999	Đồng Nai	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Khá	7.58	**CNTT**	**Có giấy khen loại Giỏi Có tham gia NCKHSV Có bài báo**		miễn	

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
16	S23-050	Đinh Quang	Hoàng	Nam	04/3/2000	DakLak	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTPM	CQ	Giỏi	8.44	**CNTT**			miễn	
17	S23-052	Ngô Hoàng	Huy	Nam	26/9/2000	Gia Lai	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Khá	7.74	**CNTT**		IELTS 5.5 25/4/2022	miễn	
18	S23-085	Nguyễn Quang	Huy	Nam	26/12/2000	Bình Định	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Giỏi	8.57	**CNTT**			miễn	
19	S23-057	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	24/02/1999	Hà Tĩnh	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTPM	CQ	Giỏi	8.93	**CNTT**			miễn	
20	S23-063	Phạm Tân	Nhật	Nam	15/3/2000	Quảng Ngãi	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Giỏi	8.36	**CNTT**			miễn	
21	S23-065	Trần Hoàng Thiên	Phú	Nam	06/9/2000	Đồng Nai	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Khá	7.78	**CNTT**			miễn	
22	S23-067	Trần Phạm Tiến	Phương	Nam	07/05/2000	Đồng Nai	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Khá	7.18	**CNTT**			miễn	
23	S23-069	Đào Tiến	Quang	Nam	16/4/1990	TPHCM	Trường ĐH KHTN-ĐHQG-HCM	2015	CNTT	CQ	Khá	7.49	**CNTT**	**SV tài năng**			
24	S23-073	Ngô Đức	Thiện	Nam	15/02/2001	Quảng Ngãi	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	CNTT	CQ	Giỏi	8.15	**CNTT**				
25	S23-075	Nguyễn Trọng Vĩnh	Tiến	Nam	01/4/1999	Bình Thuận	Trường ĐH Công nghệ TPHCM	2021	CNTT	CQ	Giỏi	3.27/4.0	**CNTT**				

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
26	S23-082	Lê Phạm Hoài	Uyên	Nữ	14/7/2000	Thừa Thiên Huế	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	MMT&TT	CQ	Khá	85.3	**CNTT**			miễn	
27	S23-037	Lê Tuấn	Anh	Nam	02/02/1999	Phú Thọ	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2021	KTMT	CQ	Khá	7.61	**HTTT**			miễn	
28	S23-041	Mai Nguyễn An	Bình	Nữ	22/4/2000	Bến Tre	Trường ĐH Kinh tế-Luật	2022	HTTT quản lý	CQ	Giỏi	8.11	**HTTT**	**có giấy khen loại Giỏi**			
29	S23-048	Nguyễn Duy	Hiệu	Nam	25/9/2000	Hưng Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	HTTT	CQ	Giỏi	8.45	**HTTT**				
30	S23-061	Võ Tú	My	Nữ	05/12/1995	Vĩnh Long	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	HTTT quản lý	CQ	Giỏi	8.11	**HTTT**				
31	S23-064	Trần Hữu	Phát	Nam	14/7/1999	Bạc Liêu	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	HTTT	CQ	Giỏi	8.01	**HTTT**				
32	S23-086	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	12/12/2000	DakLak	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	HTTT	CQ	Khá	7.89	**HTTT**				
33	S23-039	Nguyễn Thị Như	Bình	Nam	13/8/2000	Bình Phước	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Giỏi	8.82	**KHMT**			miễn	
34	S23-042	Đỗ Quốc	Cường	Nam	02/02/1998	Hà Nội	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Khá	7.14	**KHMT**				
35	S23-045	Huỳnh Hoàng	Hải	Nam	27/8/2000	TPHCM	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2023	ATTT	CQ	Giỏi	8.61	**KHMT**	**có bài báo**		miễn	

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
36	S23-046	Lã Trường	Hải	Nam	25/7/2000	BR-VT	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Khá	7.84	**KHMT**				
37	S23-055	Trần Đăng	Khoa	Nam	28/4/2000	Long An	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHDL	CQ	Giỏi	8.61	**KHMT**	**có bài báo**		miễn	
38	S23-056	Trần Quang	Khôi	Nam	28/12/1998	Phú Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Khá	7.2	**KHMT**				
39	S23-059	Phan Lực	Lượng	Nam	27/7/2000	Đồng Tháp	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHDL	CQ	Giỏi	8.17	**KHMT**	**Giấy khen NCKHSV Có bài báo**		miễn	
40	S23-060	Lê Minh Đức	Mạnh	Nam	10/8/1998	Bình Dương	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KTMT	CQ	Khá	7.46	**KHMT**			miễn	
41	S23-066	Phạm Huỳnh	Phúc	Nam	13/11/2000	TPHCM	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHDL	CQ	Giỏi	8.18	**KHMT**	**có bài báo**		miễn	
42	S23-068	Nguyễn Tuấn	Quang	Nam	05/7/2000	Nam Định	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	TB-Khá	6.89	**KHMT**	**CTĐT đã KĐ AUN**			
43	S23-070	Hoàng Đình	Quang	Nam	20/9/2000	Quảng Trị	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHDL	CQ	Giỏi	8.04	**KHMT**	**có bài báo**		miễn	

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					
44	S23-071	Phạm Ngọc	Tâm	Nam	24/5/2000	BR-VT	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	ATTT	CQ	Xuất sắc	9.15	**KHMT**	**SV tài năng Giấy khen TN Xuất sắc Giấy khen thủ khoa ngành**		miễn	
45	S23-072	Lê Việt	Thắng	Nam	05/12/2000	Phú Yên	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHDL	CQ	Giỏi	8.26	**KHMT**	**có bài báo**		miễn	
46	S23-074	Nguyễn Đình	Tiềm	Nam	23/10/1999	Hà Nội	Trường ĐH CNTT&TT ĐH Thái Nguyên	2022	CNTT	CQ	Giỏi	8.36	**KHMT**			miễn	
47	S23-076	Nguyễn Hữu Minh	Trạng	Nam	14/9/1999	Bình Dương	Trường ĐH KHTN-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Giỏi	3.94/4.0	**KHMT**				
48	S23-078	Nguyễn Trần	Trung	Nam	02/02/1999	DakLak	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Giỏi	8.31	**KHMT**	**SV tài năng**			
49	S23-080	Đặng Xuân	Trường	Nam	16/8/1999	BR-VT	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2021	KHMT	CQ	Khá	7.57	**KHMT**	**CTĐT đã KĐ AUN**			
50	S23-081	Phạm Nhật	Tuấn	Nam	24/8/1999	TPHCM	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	MMT&TT	CQ	Giỏi	8.37	**KHMT**			miễn	
51	S23-084	Nguyễn Kiều	Vinh	Nam	04/9/2000	Kiên Giang	Trường ĐH CNTT-ĐHQG-HCM	2022	KHMT	CQ	Khá	7.67	**KHMT**				

Tổng: 51 thí sinh (11 ngành ATTT, 15 ngành CNTT, 06 ngành HTTT, 19 ngành KHMT)

TT	Số HS	HỌ VÀ	TÊN	Giới	NGÀY SINH	NƠI SINH	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						Ngành ĐKDT	Thành tích học tập	Lý do miễn AV	BTKT	GHI CHÚ
							Trường	Năm TN	Ngành	Loại hình ĐT	Loại tốt nghiệp	Điểm TN					